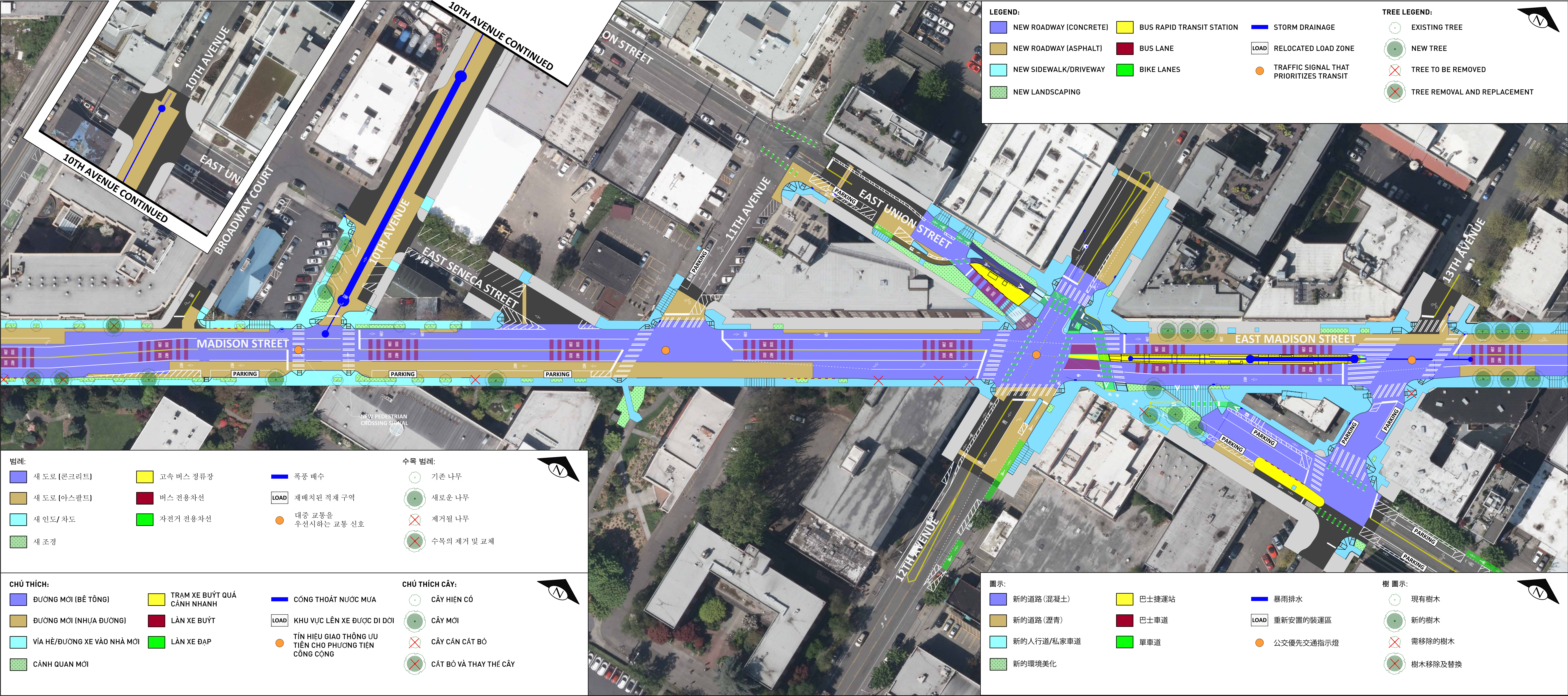




LEGEND:

NEW ROADWAY (CONCRETE)	BUS RAPID TRANSIT STATION	STORM DRAINAGE
NEW ROADWAY (ASPHALT)	BUS LANE	RELOCATED LOAD ZONE
NEW SIDEWALK/DRIVEWAY	BIKE LANES	TRAFFIC SIGNAL THAT PRIORITIZES TRANSIT
NEW LANDSCAPING		

TREE LEGEND:

EXISTING TREE	TREE TO BE REMOVED
NEW TREE	TREE REMOVAL AND REPLACEMENT

범례:

새 도로 (콘크리트)	고속 버스 정류장	폭풍 배수
새 도로 [아스팔트]	버스 전용차선	재배치된 적재 구역
새 인도/ 차도	자전거 전용차선	대중 교통을 우선시하는 교통 신호
새 조경		

수목 범례:

기존 나무	제거될 나무
새로운 나무	수목의 제거 및 교체

CHÚ THÍCH:

ĐƯỜNG MỚI (BÊ TÔNG)	TRẠM XE BUÝT QUÁ CẢNH NHANH	CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
ĐƯỜNG MỚI (NHỰA ĐƯỜNG)	LÀN XE BUÝT	KHU VỰC LÊN XE ĐƯỢC DI DỜI
VÍA HÈ/ĐƯỜNG XE VÀO NHÀ MỚI	LÀN XE ĐẠP	TÍN HIỆU GIAO THÔNG ƯU TIÊN CHO PHƯƠNG TIỆN CÔNG CỘNG
CẢNH QUAN MỚI		

CHÚ THÍCH CÂY:

CÂY HIỆN CÓ	CÂY CẦN CẮT BỎ
CÂY MỚI	CẮT BỎ VÀ THAY THẾ CÂY

圖示:

新的道路 (混凝土)	巴士捷運站	暴雨排水
新的道路 (瀝青)	巴士車道	重新安置的裝運區
新的人行道/私家車道	單車道	公交優先交通指示燈
新的環境美化		

樹圖示:

現有樹木	需移除的樹木
新的樹木	樹木移除及替換